

Phương pháp điền văn bản

※ Trường hợp cha mẹ ruột, cha mẹ nuôi hoặc con nuôi là người nước ngoài thì điền quốc tịch vào ô nơi đăng ký tiêu chuẩn.

Ô ① và ô ②: Theo Luật pháp điều 25 khoản 2 ở ô số chứng minh nhân dân, khi điền số chứng minh nhân dân thì có thể bỏ qua điền ngày tháng năm sinh.

Ô ④: Chi tiết dưới đây và ghi chép rõ ràng ở bản đăng ký quan hệ gia đình, điền chi tiết cần thiết đặc biệt.

- Người đại diện hợp pháp của con nuôi sẽ trở thành con (dưới 15 tuổi dương lịch) hoặc người giám hộ sau khi nhận được giấy phép của tòa án gia đình thay thế cho phê duyệt nhận con nuôi và lý do khi báo cáo điều này.

- 「Luật đặc biệt quan hệ đến thủ tục và xúc tiến việc nhận con nuôi」 theo điều 8 khoản 2 theo ý muốn của cha mẹ nuôi họ và chữ họ nguyên bản của con nuôi trường hợp theo họ và chữ họ nguyên bản của cha mẹ thì ghi rõ chi tiết liên quan đến điều này.

Ô ⑥: Điều quan trọng điền ở ô đồng ý của con thì theo những điều sau.

- Con nuôi sẽ trở thành con phải nhận được sự đồng ý của cha mẹ (nhưng, theo phán quyết về bản đăng ký quan hệ gia đình, khi cha mẹ ruột là người đã mất quyền nuôi người con đó thì không thể đồng ý), cha mẹ đã mất, ngoài những lý do đó ra trường hợp không thể đồng ý thì trong họ hàng trực hệ nếu có, thì phải nhận sự đồng ý của người họ hàng gần gũi lớn tuổi nhất theo thứ tự.

- Người con sẽ trở thành con nuôi là người chưa trưởng thành, trường hợp không có cha mẹ hay họ hàng gần gũi để tham khảo về người chưa trưởng thành, thì sau khi nhận được giấy phép của tòa án gia đình phải có sự đồng ý của người giám hộ.

- Người đồng ý thay cho cha mẹ cho việc nhận con nuôi không điền vào ô người đồng ý cho việc nhận con nuôi cũng được.

- Người có vợ hoặc chồng khi nhận con nuôi phải nhận được sự đồng ý của bên kia.

- Người thiếu khả năng nhận con nuôi hay để trở thành con nuôi phải nhận được sự đồng ý của người giám hộ

Ô ⑦: Người sẽ trở thành con nuôi đóng dấu ấn niêm phong hoặc (ký tên) vào ô con nuôi, nhưng khi người sẽ trở thành con nuôi dưới 15 tuổi thì không điền vào ô con nuôi, người đại diện hợp pháp (người giám hộ sau khi nhận được giấy phép của tòa án gia đình điền tòa án cấp phép và ngày cấp phép) biểu thị “○” vào hạng mục thích hợp của ô người đại diện hợp pháp sau đó đóng dấu ấn niêm phong (hoặc ký tên).

: Luật đặc biệt liên quan đến thủ tục và xúc tiến nhận con nuôi trường hợp khai báo nhận con nuôi người sẽ trở thành cha mẹ nuôi và người sẽ trở thành con nuôi cùng với người giám hộ điền vào ô người báo cáo.

Ô ⑧: Điền họ tên và số chứng minh nhân dân của người đệ trình (dù người báo cáo có hay không) [nhân viên công vụ tiếp nhận hồ sơ đối chiếu với giấy chứng nhận nhân thân]

Giấy tờ đính kèm

※ Khoản 1 dưới đây trường hợp có thể xác nhận nội dung đó bằng máy vi tính tại văn phòng đăng ký quan hệ gia đình thì có thể bỏ qua đính kèm.

1. Giấy chứng nhận cơ bản của bản đăng ký quan hệ gia đình của người liên quan nhận con nuôi, giấy chứng nhận quan hệ gia đình và giấy chứng nhận quan hệ nhận con nuôi, mỗi loại 1 bản.

2. Bản đồng ý nhận con nuôi 1 bản (trường hợp cần thiết có sự đồng ý về nhận con nuôi, nhưng ngoại trừ người đồng ý trong bản khai nhận con nuôi ở ô "đồng ý của con" điền tên và số chứng minh nhân dân đóng dấu ấn niêm phong)

3. Về sự chấp thuận cho làm con nuôi hoặc đồng ý nhận con nuôi, giấy phép của tòa án gia đình 1 bản (trường hợp người sẽ trở thành con nuôi là người chưa trưởng thành không có cha mẹ hoặc họ hàng trực hệ phải nhận được sự đồng ý của người giám hộ, trường hợp người giám hộ nhận con nuôi và trường hợp người giám hộ là người làm bản đồng ý nhận con nuôi).

4.

5. Trường hợp con nuôi là người nước ngoài, trường hợp yêu cầu cần thiết theo thành lập của tình trạng luật thích hợp của luật bản quốc của người con đó, con cái họ Trường hợp cha mẹ nuôi là người nước ngoài giấy tờ chứng nhận quốc tịch đó (ví dụ: bản sao hộ khẩu, giấy khai sinh, bản phô tô hộ chiếu, bản sao bản đăng ký nhân thân v...v...) ặc sự đồng ý tay ba hay sự đồng ý v...v... thì giấy tờ chứng nhận điều yêu cầu đó.

6. Xác định nhân thân [theo điều 23 quy tắc đăng ký quan hệ gia đình]

- Trường hợp người báo cáo hiện diện: tất cả giấy chứng nhận nhân thân của người báo cáo.

- Trường hợp người báo cáo không hiện diện, người đệ trình hiện diện: giấy chứng nhận nhân thân của người đệ trình và tất cả giấy chứng nhận nhân thân hoặc giấy tờ công chứng hoặc giấy chứng nhận dấu ấn niêm phong (trường hợp người báo cáo khng có giấy chứng nhận nhân thân, ở cơ quan báo cáo người báo cáo ký tên thì công chứng chữ ký, trường hợp ở cơ quan báo cáo đóng dấu ấn niêm phong thì giấy chứng nhận dấu ấn niêm phong)

- Trường hợp đệ trình bằng bưu chính: tất cả công chứng chữ ký của người báo cáo hoặc giấy chứng nhận dấu ấn niêm phong (trường hợp ở cơ quan báo cáo ký tên,

công chứng chữ ký, trường hợp đóng dấu ấn niêm phong thì giấy chứng nhận dấu ấn niêm phong)

※ Người con nuôi dưới 15 tuổi được nhận làm con nuôi người đại diện hợp pháp hiện diện hoặc xuất trình giấy chứng nhận nhân thân, đính kèm giấy chứng nhận dấu ấn niêm phong, người báo cáo xuất trình giấy chứng nhận nhân thân hoặc đính kèm giấy chứng nhận dấu ấn niêm phong.

Bản khai nhận con nuôi

입양신고서

* Phương pháp điền văn bản. (작성방법)

- Trường hợp cha mẹ ruột, cha mẹ nuôi hoặc con nuôi là người nước ngoài thì điền quốc tịch vào ô nơi đăng ký tiêu chuẩn..
- (친생부모, 양친 또는 양자가 외국인인 경우에는 그 등록기준지란에 국적을 기재합니다.)

① Bố mẹ nuôi (bố nuôi /mẹ nuôi). 양친 (양부/양모)

* Cách điền văn bản từ số 1 ~ đến số 2. (작성방법 1번 ~ 2번)

- Theo Luật pháp điều 25 khoản 2 ở ô số chứng minh nhân dân,khi điền số chứng minh nhân dân thì có thể bỏ qua điền ngày tháng năm sinh.
- 법 제25조제2항에 따라 주민등록번호란에 주민등록번호를 기재한 때에는 출생연월일의 기재를 생략할 수 있습니다.
- Bố mẹ nuôi (bố nuôi /mẹ nuôi)ghi họ tên bằng chữ hàn quốc và chữ hán (양친(양부/양모)의 성명을 한글과 한자로 쓰세요.)
- Bố mẹ nuôi (bố nuôi /mẹ nuôi)ghi nguyên bản bằng chữ hán.. (양친(양부/양모)의 본을 한자로 쓰세요.)
- Bố mẹ nuôi (bố nuôi /mẹ nuôi)ngày ,tháng, năm ,sinh. (양친(양부/양모)의 출생연월일을 쓰세요.)
- Bố mẹ nuôi (bố nuôi /mẹ nuôi)số chứng minh nhân dân. (양친(양부/양모)의 주민등록번호를 쓰세요.)
- Bố mẹ nuôi (bố nuôi /mẹ nuôi)địa chỉ và nơi đăng ký cư chú tiêu chuẩn. (양친(양부/양모)의 등록기준지와 주소를 쓰세요.)

② Con nuôi. (양자)

- Họ tên của con nuôi ghi bằng chữ hàn quốc và chữ hán.. (양자의 성명을 한글과 한자로 쓰세요.)
- Ghi nguyên bản khai của con nuôi bằng chữ hán..(양자의 본을 한자로 쓰세요.)
- Số chứng minh nhân dân của con nuôi. (양자의 주민등록번호를 쓰세요.)
- Con nuôi giới tính 1)nam 2)nữ. (양자의 성별에 체크하세요 1)남자 2)여자)
- Ngày ,tháng ,năm ,sinh của con nuôi. (양 자의 출생연월일을 쓰세요.)
- Địa chỉ và nơi đăng ký cư chú tiêu chuẩn của con nuôi. (양자의 등록기준지와 주소를 쓰세요.)

③ Bố mẹ đẻ của con nuôi (bố /mẹ). 양자의 친생부모(부/모)

- Họ tên của (bố mẹ đẻ (bố/mẹ). (친생부모(부/모)의 성명을 쓰세요)
- Nơi đăng ký cư chú tiêu chuẩn của (bố mẹ đẻ (bố /mẹ). (친생부모(부/모)의 등록기준지를 쓰세요)
- Số chứng minh nhân dân của (bố mẹ đẻ (bố /mẹ). (친생부모(부/모)의 주민등록번호를 쓰세요)

4. Khác. (기타)

* Phương pháp điền văn bản. (작성방법)

- Chi tiết dưới đây và ghi chép rõ ràng ở bản đăng ký quan hệ gia đình, điền chi tiết cần thiết đặc biệt.
(아래의 사항 및 가족관계등록부에 기록을 분명하게 하는데 특히 필요한 사항을 기재 합니다)
- Người đại diện hợp pháp của con nuôi sẽ trở thành con (dưới 15 tuổi dương lịch) hoặc người giám hộ sau khi nhận được giấy phép của tòa án gia đình thay thế cho phê duyệt nhận con nuôi và lý do khi báo cáo điều này.
- 양자가 될 자(만 15세 미만)의 법정대리인 또는 가정법원의 허가를 받은 후견인이 그를 갈음하여 입양을 승낙하고 이를 신고하는 때에는 그 사유.
- Luật đặc biệt quan hệ đến thủ tục và xúc tiến việc nhận con nuôi」 theo điều 8 khoản 2 theo ý muốn của cha mẹ nuôi họ và chữ họ nguyên bản của con nuôi trường hợp theo họ và chữ họ nguyên bản của cha mẹ thì ghi rõ chi tiết liên quan đến điều này.
- 「입양촉진 및 절차에 관한 특례법」 제8조제1항에 따라 양자의 성과 본을 양친 의 원에 의하여 양친의 성과 본을 따르는 경우에는 그에 관한 사항

⑤ Người làm chứng. (증인)

- Họ tên chữ ký và đóng dấu của người làm chứng.
(증인의 성명을 쓰고 기명날인 하세요)
- Địa chỉ và số chứng minh nhân dân của người làm chứng.
(증인의 주민등록번호와 주소를 쓰세요)

⑥ Đồng ý của con. (동의자)

* Phương pháp điền văn bản. (작성방법)

- Con nuôi sẽ trở thành con phải nhận được sự đồng ý của cha mẹ (nhưng, theo phán quyết về bản đăng ký quan hệ gia đình, khi cha mẹ ruột là người đã mất quyền nuôi người con đó thì không thể đồng ý), cha mẹ đã mất, ngoài những lý do đó ra trường hợp không thể đồng ý thì trong họ hàng trực hệ nếu có, thì phải nhận sự đồng ý của người họ hàng gần gũi lớn tuổi nhất theo thứ tự.
- 양자가 될 자는 부·모의 동의를 받아야 하며(다만, 가족관계등록부에 판결에 하여 친권이 상실된 자로 기록된 부 또는 모는 동의할 수 없습니다) 부·모가 망 그 밖의 사유로 인하여 동의를 할 수 없는 경우에 다른 직계존속이 있으면 직계존속 중 제일 가까운 존속·중 연장자의 순으로 동의를 받아야 합니다
- Họ tên và chữ ký của bố mẹ.. (부모의 성명을 쓰고 기명날인 하세요)
- Họ tên chữ ký và đóng dấu của họ hàng trực hệ.
(직계존속의 성명을 쓰고 기명날인 하세요)
- Số chứng minh nhân dân của họ hàng trực hệ.
(직계존속의 주민등록번호를 쓰세요)
- Quan hệ giữa họ hàng trực hệ với người con nuôi.
(직계존속과 양자와의 관계를 쓰세요)
- Người có vợ hoặc chồng khi nhận con nuôi phải nhận được sự đồng ý của bên kia 배우자 있는 자가 양자가 될 때에는 다른 한쪽의 동의를 받아야 합니다
- Họ tên ,ký tên và đóng dấu của vợ chồng.
(배우자의 성명을 쓰고 기명날인 하세요)
- Số chứng minh nhân dân của vợ và chồng. (배우자의 주민등록번호를 쓰세요)

***Phương pháp điền văn bản. (작성방법)**

- Người con sẽ trở thành con nuôi là người chưa trưởng thành, trường hợp không có cha mẹ hay họ hàng gần gũi để tham khảo về người chưa trưởng thành, thì sau khi nhận được giấy phép của tòa án gia đình phải có sự đồng ý của người giám hộ.
- 양자가 될 자가 미성년자이고, 그 미성년자에 대하여 위에서 언급한 부·모나 직계 존속이 없는 경우에는 가정법원의 허가를 받은 후견인의 동의가 있어야 합니다.
- Người đồng ý thay cho cha mẹ cho việc nhận con nuôi không điền vào ô người đồng ý cho việc nhận con nuôi cũng được.
- 입양 대락자는 입양동의자란에 기재하지 않아도 됩니다.
- Người có vợ hoặc chồng khi nhận con nuôi phải nhận được sự đồng ý của bên kia. 금치산자가 양자를 입양시키거나 양자가 되고자 할 때에는 후견인의 동의를 받아야 합니다
- Họ tên chữ ký và đóng dấu của người giám hộ.
(후견인의 성명을 쓰고 기명날인 하세요)
- Số chứng minh nhân dân của người giám hộ.(후견인의 주민등록번호를 쓰세요)
- Tên của tòa án cấp phép. (허가법원의 이름을 쓰세요)
- Ngày cấp phép. (허가일자를 쓰세요)

⑦ Người báo cáo. (신고인)

- Họ tên ,ký tên và đóng dấu của bố mẹ nuôi.
(양부와 양모의 성명을 쓰고 기명날인 하세요)
- Địa chỉ ,số điện thoại, e-emil của bố mẹ nuôi.
(양부와 양모의 전화번호와 이메일주소를 쓰세요)
- Người sẽ trở thành con nuôi đóng dấu ấn niêm phong hoặc (ký tên) vào ô con nuôi, nhưng khi người sẽ trở thành con nuôi dưới 15 tuổi thì không điền vào ô con nuôi, người đại diện hợp pháp (người giám hộ sau khi nhận được giấy phép của tòa án gia đình điền tòa án cấp phép và ngày cấp phép) biểu thị“○”vào hạng mục thích hợp của ô người đại diện hợp pháp sau đó đóng dấu ấn niêm phong(hoặc ký tên..)
- 양자란에는 양자가 될 자가 기명날인(또는 서명)하며, 다만 양자가 될 자가 15세 미만인 때에는 양자란에는 기재하지 않고 법정대리인(가정법원의 허가를 받은 후견인은 허가법원과 허가일자를 기재)이 법정대리인란의 해당 항목번호에 “○”으로 표시한 후 기명날인(또는 서명)합니다.)
- Luật đặc biệt liên quan đến thủ tục và xúc tiến nhận con nuôi trường hợp khai báo nhận con nuôi người sẽ trở thành cha mẹ nuôi và người sẽ trở thành con nuôi cùng với người giám hộ điền vào ô người báo cáo.
- 입양촉진 및 절차에 관한 특례법에 의한 입양신고의 경우에는 양친될 자와 양자 될 자의 후견인이 함께 신고인란에 기재합니다.
- Họ tên chữ ký và đóng dấu của con nuôi.
(양자의 성명을 쓰고 기명날인 하세요)
- Địa chỉ số điện thoại và e-emil của con nuôi.
(양자의 전화번호와 이메일주소를 쓰세요)

Người đại diện hợp pháp. (법정대리인)

- Họ tên ,chữ ký và đóng dấu của người đại diện hợp pháp.

(부모의 성명을 쓰고 기명날인 하세요)

Địa chỉ ,số điện thoại và e-emil của bố mẹ.

(부모의 전화번호와 이메일주소를 쓰세요)

Họ tên chữ ký và đóng dấu của người giám hộ.

(후견인의 성명을 쓰고 기명날인 하세요)

- Ghi địa chỉ số điện thoại và e-emil của bố mẹ.

(부모의 전화번호와 이메일주소를 쓰세요)

Tình huống phê duyệt việc nhận con nuôi dưới 15 tuổi.

(15세미만자의 입양승락의 경우)

- Tên tòa án cấp phép. (허가법원의 이름을 쓰세요.)
- Ngày tòa án cấp phép. (허가날짜를 쓰세요.)

⑧ Người đệ trình. (제출자)

* Phương pháp điền văn bản. (작성방법)

- Điền họ tên và số chứng minh nhân dân của người đệ trình (dù người báo cáo có hay không). (제출자(신고인 여부 불문)의 성명 및 주민등록번호 기재)
- Họ tên và số chứng minh nhân dân của người đệ trình.
(제출자의 성명과 주민등록번호를 쓰세요.)

Giấy tờ đính kèm. 첨부서류

※ Khoản 1 dưới đây trường hợp có thể xác nhận nội dung đó bằng máy vi tính tại văn phòng đăng ký quan hệ gia đình thì có thể bỏ qua đính kèm.

아래 1항은 전산정보처리조직에 의하여 그 내용을 확인할 수 있는 경우에는 첨부 를 생략할 수 있습니다

1. Giấy chứng nhận cơ bản của bản đăng ký quan hệ gia đình của người liên quan nhận con nuôi, giấy chứng nhận quan hệ gia đình và giấy chứng nhận quan hệ nhận con nuôi, mỗi loại 1 bản.
입양당사자의 가족관계등록부의 기본증명서, 가족관계증명서 및 입양관계증명서 각 1통.
2. Bản đồng ý nhận con nuôi 1 bản (trường hợp cần thiết có sự đồng ý về nhận con nuôi, nhưng ngoại trừ người đồng ý trong bản khai nhận con nuôi ở ô"đồng ý của con" điền tên và số chứng minh nhân dân đóng dấu ấn niêm phong)
입양동의서1부(입양에 대한 동의가 필요한 경우, 다만 동의한 사람이 입양신고서의 "동의자"란에 성명과 주민등록번호를 기재하고 기명날인 한 때에는 제외).
3. Tòa án gia đình 1 bản (trường hợp người sẽ trở thành con nuôi là người chưa trưởng thành không có cha mẹ hoặc họ hàng trực hệ phải nhận được sự đồng ý của người giám hộ, trường hợp người giám hộ nhận con nuôi và trường hợp người giám hộ là người làm bản đồng ý nhận con nuôi.
입양동의 또는 입양승낙에 대한 가정법원의 허가서 등본 1부(양자가 될 자가 미성년자로서 부모 또는 다른 직계존속이 없어 후견인의 동의를 받아야 하는 경우, 후견인이 피후견인을 양자로 하는 경우 및 후견인이 입양승낙을 하는 경우).
4. Trường hợp cha mẹ nuôi là người nước ngoài giấy tờ chứng nhận quốc tịch đó (ví dụ: bản sao hộ khẩu, giấy khai sinh, bản phô tô hộ chiếu, bản sao bản

đăng ký nhân thân v...v...

양친이 외국인인 경우 그 국적을 증명하는 서면(예: 호적등본, 출생증명서, 여권사본, 신분등록부등본 등).

5. Trường hợp con nuôi là người nước ngoài, trường hợp yêu cầu cần thiết theo thành lập của tình trạng luật thích hợp của luật bản quốc của người con đó, con cái hoTrường hợp cha mẹ nuôi là người nước ngoài giấy tờ chứng nhận quốc tịch đó (ví dụ: bản sao hộ khẩu, giấy khai sinh, bản phô tô hộ chiếu, bản sao bản đăng ký nhân thân v...v...) ặc sự đồng ý tay 3 hay sự đồng ý khác thì giấy tờ chứng nhận. điều yêu cầu đó

양자가 외국인인 경우, 그 자녀의 본국법이 해당 신분행위의 성립에 자녀 또는 제3자의 승낙이나 동의 등을 요건으로 하는 경우에는 그 요건을 갖추었음을 증명하는 서면.

6. Xác định nhân thân[theo điều số 23 quy tắc đăng ký quan hệ gia đình]
신분확인[가족관계등록예규 제23호에 의함]

- Trường hợp người báo cáo hiện diện: tất cả giấy chứng nhận nhân thân của người báo cáo. (신고인이 출석한 경우 : 신고인 모두의 신분증명서)
- Trường hợp người báo cáo không hiện diện, người đệ trình hiện diện: giấy chứng nhận nhân thân của người đệ trình và tất cả giấy chứng nhận nhân thân hoặc giấy ở công chứng hoặc giấy chứng nhận dấu ấn niêm phong (trường hợp người báo cáo không có giấy chứng nhận nhân thân ,ơ cơ quan báo cáo người báo cáo ký tên thì công chứng chữ ký, trường hợp ở cơ quan báo cáo đóng dấu ấn niêm phong thì giấy chứng nhận dấu ấn niêm phong
- 신고인 불출석, 제출인 출석의 경우 : 제출인의 신분증명서 및 신고인 모두의 신분 증명서 또는 서면공증 또는 인감증명서(신고인의 신분증명서 없이 신고서에 신고인이 서명한 경우 서명공증, 신고서에 인감 날인한 경우는 인감증명)
- Trường hợp đệ trình bằng bưu chính: tất cả công chứng chữ ký của người báo cáo hoặc giấy chứng nhận dấu ấn niêm phong (trường hợp ở cơ quan báo cáo ký tên công chứng chữ ký, trường hợp đóng dấu ấn niêm phong thì giấy chứng nhận dấu ấn niêm phong
- 우편제출의 경우 : 신고인 모두의 서명공증 또는 인감증명서(신고서에 서명한 경우 서명 공증, 신고에 인감을 날인한 경우는 인감 증명서)

※ Người con nuôi dưới 15 tuổi được nhận làm con nuôi người đại diện hợp pháp hiện diện hoặc xuất trình giấy chứng nhận nhân thân, đính kèm giấy chứng nhận dấu ấn niêm phong, người báo cáo xuất trình giấy chứng nhận nhân thân hoặc đính kèm giấy chứng nhận dấu ấn niêm phong.

양자가 15세 미만인 입양에 있어서 법정대리인의 출석 또는 신분증명서의 제시가 있거나 인감증명서의 첨부가 있으면 신고인의 신분증명서 제시 또는 인감증명서의 첨부가 있는 것으로 볼 수 있습니다.